

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày: 30 - 11 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lên.
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2021/TLDS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXDS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hồng X, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Vũ Văn L, sinh năm 1962.

2.2 Bà Trần Thị M, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà X, ông L, bà M có mặt;.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng X, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Đỗ Thị Hồng X trình bày: Ông Vũ Văn L và bà Trần Thị M là vợ chồng. Vào năm 2015, bà M đứng ra làm chủ thảo 02 dây hui, loại hui 3.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần. Năm 2018, bà X hốt hui chết 02 dây hui này được tổng cộng 54.000.000 đồng. Bà M giao trước 16.000.000 đồng, còn lại 38.000.000 đồng trong đó trừ cò 1.800.000 đồng, còn lại 36.200.000 đồng thì không trả thêm được khoản tiền nào. Mục đích bà M đứng ra làm chủ thảo các dây hui nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình L và bà M. Khi tham gia góp hui, các bên không cầm cổ, thế chấp tài sản gì cho nhau. Bà X xác định chỉ khởi kiện yêu cầu ông L và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền hui chết của 02 dây hui với số tiền tổng cộng 36.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – Bà Trần Thị M trình bày: Ông Vũ Văn L và bà Trần Thị M là vợ chồng. Bà M xác định lời trình bày của bà X là đúng. Bà M còn nợ lại bà X 36.200.000 đồng. Lúc bà X hốt hui thì bà M bị bể hui, không ai đóng nên bà M không có tiền giao cho bà X. Bà M hứa trả dần, bà X đồng ý nhưng hiện bây giờ lại kiện ra Tòa. Do vợ chồng bà M đã lớn tuổi, không có công việc ổn định nên bà M đề nghị bà X cho trả dần mỗi năm 02 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng, thời gian bắt đầu trả vào năm 2022.

Bị đơn – Ông Vũ Văn L trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà M. Ông đồng ý liên đới nghĩa vụ với bà M trả cho bà X số tiền 36.200.000 đồng và xin trả dần theo đề nghị nêu trên của bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và không đồng ý cho ông L và bà M trả dần số tiền 36.200.000 đồng. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp hui, bị đơn là ông L và bà M có địa chỉ tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về phạm vi giải quyết vụ án: Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Điều 5 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà X khởi kiện yêu cầu ông L, bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiềnhui chết tổng cộng 36.200.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện bằng các hợp đồng góp hui do bà M lập. Đồng thời, được bà M thừa nhận nợ tại phiên tòa và trong đơn trình bày ngày 15 tháng 10 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Tuyên Thạnh, thị xã K. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là buộc ông L và bà M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền hui tổng cộng 36.200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L và bà M phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 36.200.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, ông L có đơn đề nghị miễn án phí vì **ông L thuộc trường người có công với cách mạng**. Xét đơn đề nghị miễn án phí của **ông L** là hợp lệ được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này, nên Hội đồng xét xử cần xem xét miễn 905.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm cho **ông L**, chỉ buộc bà M phải chịu 905.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đoàn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng X buộc ông Vũ Văn L và bà Trần Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà bà Đỗ Thị Hồng X số tiền 36.200.000 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Miễn 905.000 đồng (chín trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Văn L.

2.2 Buộc bà Trần Thị M phải có nghĩa vụ chịu 905.000 đồng (chín trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.3 Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị Hồng X 905.000 đồng (chín trăm lẻ năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009692 ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

